TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST
Ngày: 11 - 5 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Lương Oanh và Bà Trần Thị Hải Thương

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Đăng - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Thượng Đình B, sinh năm 1990 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn T 02, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; chổ ở hiện nay ấp 3, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Thượng Đình C, sinh năm 1963 và bà Bùi Thị C, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là chị Mai Thị B, sinh năm 1988 và 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 17/02/2020, bị Công an huyện Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 203/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2019 cho đến nay, "bị cáo có mặt".

Người bị hại:

Anh Nguyễn T, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thị trấn B, huyện K tỉnh Đắk Lắk; tạm trú tại khu phố X 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "có mặt".

Anh Trương Văn H (tên gọi khác: T), sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú tại ấp 6, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Thượng Thị H, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn T 02, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú tại số 226/5-7 Lê Văn T, phường 11, quận G, thành phố Hồ Chí Minh "có mặt";

Anh Vũ Văn H, sinh năm 1973; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 03, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt";

Anh Đặng Vũ T, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 02, khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1995 "vắng mặt";

Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1972 "vắng mặt";

Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1981 "vắng mặt";

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: T), sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 20/11/2019 đến ngày 29/11/2019, Thượng Đình B đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ ngày 20/11/2019, Thượng Đình B đi bộ đến khu đô thị C thấy có một xe lu mi ni của anh Trương Văn H đang để ở C trình lót vỉa hè nên nảy sinh ý định lấy trộm. B đi đến gặp anh Đặng Vũ T lái xe cuốc đang cuốc đất gần đó để nhờ cẩu xe lu thì anh T đồng ý, B xin số điện thoại anh T để liên lạc. B đi ra đường ĐT 741 thì nhìn thấy xe tải có ghi nhận chở hàng và có ghi số điện thoại ở thùng xe nên B gọi để thuê xe tải chở xe lu. Khoảng 12 giờ cùng ngày B gọi điện thoại cho anh T để thuê cẩu giùm xe lu và gọi điện thoại chỉ đường cho người xe tải (không rõ nhân thân, lai lịch) đi đến nơi để xe lu để chở. Khi cẩu xong xe lu B nói với anh T giờ B không có tiền, chiều B quay lại trả tiền cho anh T thì anh T đồng ý, giữa B và anh T không thỏa thuận bao nhiêu tiền. B gọi điện thoại cho anh Vũ Văn H hỏi anh H có mua xe lu không thì anh H trả lời chỉ mua phế liệu, có thì đưa đến bán cho H ở bãi phế liệu gần cây xăng số 11, ở khu phố B, thị trấn T, huyện Đ thì B đồng ý. B chỉ đường và cùng xe tải chở xe lu đến bán cho anh H, khi đến B hỏi giá mua thì anh H trả lời mua giá 5.700 đồng/01kg thì B đồng ý bán, B và anh H không cân mà phỏng đoán xe khoảng 460 kg rồi tính được số tiền 2.622.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ anh H, B trả cho người lái xe tải 600.000 đồng tiền chở, B chưa trả tiền xe cuốc cho anh T. Cùng ngày

anh H đã bán xe lu mua của B cho anh Nguyễn Xuân S là nhân viên Công ty TNHH "Nguyễn X" ở khu phố B, thị trấn T, huyện Đ được số tiền 3.640.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 12 giờ ngày 29/11/2019, B đi bộ đến bãi đất trống ở ấp 3, xã T, thành phố Đ, B thấy có 01 gàu múc đất bằng sắt của anh Nguyễn T để ở đó không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. B đi đến thuê một người lái xe cuốc (không rõ nhân thân, lai lịch) ở gần đó đến cẩu cái gàu múc và thuê người lái xe ba gác (không rõ nhân thân, lai lịch) gần đó đến để chở gàu múc. Khi cẩu được gàu múc lên xe ba gác thì B trả tiền cho người lái xe cuốc 200.000 đồng và cùng xe ba gác chở gàu múc đến bán cho anh H được 1.400.000 đồng, B trả tiền cho người lái xe ba gác 70.000 đồng. Anh H đem bán gàu múc cho anh Nguyễn Xuân L là nhân viên Công ty TNHH "Nguyễn X" ở khu phố B, thị trấn T, huyện Đ nhưng chưa lấy tiền thì bị Công an thu giữ gàu múc. Số tiền bán xe lu và gàu múc B đã tiêu xài cá nhân còn lại 650.000 đồng đã giao nộp khi đến đầu thú tại Công an thành phố Đ vào ngày 03/12/2019.

Ngày 20/11/2019, anh Trương Văn H có đơn trình báo về việc mất tài sản là xe Lu. Ngày 04/12/2019, anh Nguyễn T có đơn trình báo về việc mất tài sản là gàu múc bằng sắt.

Ngày 09/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã có yêu cầu định giá tài sản số 67/CSĐT-HS gửi Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Đ yêu cầu định giá 01 xe lu mi ni loại Lu rung dắt tay 500kg; 01 gàu múc đất của xe máy múc (bằng kim loại) trong lượng 420kg.

Tại kết luận định giá tài sản số 177/KLĐG ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận 01 xe lu mini lại Lu rung dắt tay 500kg chạy dầu diesel, trọng lượng 500kg có giá 33.700.000 đồng/01 xe; 01 gàu múc đất của xe máy múc bằng kim loại (sắt) có giá 6.700.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ của bị cáo B 01 chiếc điện thoại Nokia 1010 màu đen và số tiền 650.000 đồng; thu giữ của anh Nguyễn Xuân C giao nộp 01 gàu múc và thu giữ số tiền 1.018.000 đồng do anh Vũ Văn H giao nộp.

Ngày 01/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn T 01 gàu múc.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 13/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ đã truy tố bị cáo Thượng Đình B về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thượng Đình B mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do anh Vũ Văn H không yêu cầu bị cáo B phải bồi thường gì thêm ngoài số tiền 2.200.000 đồng mà chị Thượng Thị H là em gái của bị cáo B đã bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với anh Trương Văn H đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo B phải bồi thường tiếp cho anh H số tiền 5.000.000 đồng ngoài số tiền 15.000.000 đồng mà chị H đã bồi thường.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1010 màu đen đã cũ. Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.668.000 đồng.

Bị cáo B tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 13/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản người phạm tội ra đầu thú, với kết luận điều tra, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên trong các ngày 20/11/2019 và 29/11/2019, lợi dụng việc anh Trương Văn H và anh Nguyễn T sơ hở trong việc quản lý tài sản Thượng Đình B đã lén lút lấy trộm của anh H 01 xe lu mi ni loại Lu rung dắt tay 500kg; lấy trộm của anh T 01 gàu múc đất của xe máy múc (bằng kim loại) trọng lượng 420 kg sau đó đem bán phế liệu cho anh Vũ Văn H lấy tiền tiêu xài.

Tại kết luận định giá tài sản số 177/KLĐG ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận 01 xe lu mini lại Lu rung dắt tay 500kg chạy dầu diesel, trọng lượng 500kg có giá 33.700.000 đồng/01 xe; 01 gàu múc đất của xe máy múc bằng kim loại (sắt) có giá 6.700.000 đồng.

Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do tài sản

bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 40.400.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích vụ lợi, tiêu xài cá nhân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của những người bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ. Do bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mỗi lần đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên ngoài việc xem xét giá trị tài sản làm tình tiết định khung bị cáo còn pH chịu thêm tình tiết tăng nặng hình phạt là "phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân bị cáo ngày 17/02/2020, bị Công an huyện Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 203/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, Vì vậy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục thiệt hại cho người bị hại; người bị hại cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét trong việc lượng hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

Đối với anh Vũ Văn H là người trực tiếp mua 01 xe lu mi ni và 02 gàu múc do bị cáo B trộm cắp mà có; anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân L mua lại xe lu và 02 gàu múc từ anh H và anh Đặng Vũ T là người cẩu xe lu cho bị cáo B nhưng cả anh H, anh C, anh L và anh T đều không biết tài sản do bị cáo B trộm cắp mà có nên không đặt vấn đề xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn H không yêu cầu bị cáo B phải bồi thường gì thêm ngoài số tiền 2.200.000 đồng mà chị Thượng Thị H là em gái ruột của bị cáo B đã bồi thường thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người bị hại anh Trương Văn H, do anh H đã thống nhất bồi thường với chị H số tiền 20.000.000 đồng, chị H đã bồi thường được số tiền 15.000.000 đồng, do đó cần buộc bị cáo B phải có trách nhiệm bồi thường cho anh H số tiền còn lại là 5.000.000đồng.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1010 màu đen đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong, đây là

phương tiện được bị cáo sử dụng liên hệ thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên xét thấy chiếc điện thoại đã cũ và hư hỏng do đó cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 1.668.000 đồng mà bị cáo B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn H giao nộp, xét thấy đây là số tiền có được từ hành vi phạm tội của bị cáo và do thu lợi bất chính mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Thượng Đình B phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thượng Đình B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 04/12/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Thượng Đình B phải bồi thường cho anh Trương Văn H số tiền 5.000.000 đồng

"Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các Trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015".

"T hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.668.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1010 màu đen đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001780, quyển số 0036, ký hiệu D47/2017 ngày 13/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo B phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo B phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND Thành phố Đ;*
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS Thành phố Đ;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.*
- *CA Thành phố Đ;*
- *Phòng PV 06 C an tỉnh BP;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS-VP*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An